TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 17-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

Ông Nguyễn Văn Thăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST - HS ngày 20 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019, đối với:

- *Bị cáo:* Nguyễn Thị Thu T;

Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1962, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Khu phố D, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1930 (đã chết); Anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1954, nhỏ nhất sinh năm 1971; Chồng là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961, cùng nơi cư trú; Con ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/6/2019, chuyển tạm giam ngày 26/6/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thảo S, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trần Thị L, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 06 giờ ngày 23/6/2019, bị cáo Nguyễn Thị Thu T bắt xe ôm đi từ đầu đường nhà tại khu phố D, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang đến nhà bà con ở Xóm Bà Nghĩa thuộc huyện G. Trên đường đi, bị cáo T ghé vào Chợ C thuộc ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang để mua hoa, trái cây và yêu cầu người chạy xe ôm chờ bị cáo quay lại. Tại Chợ, bị cáo nghe anh Nguyễn Thanh D rao khoai giá rẻ nên ghé lại sạp của anh D để mua. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, khi đang ngồi lựa khoai, bị cáo T nhìn thấy cái bóp ở túi áo khoác bên phải của chị Nguyễn Thị Thảo S nhô lên, lồi ra ngoài nên bị cáo T đã nảy sinh ý định trộm cái bóp. Bị cáo ngồi xuống kế bên phải chị S và dùng tay trái lấy cái bóp từ trong túi áo khoác bên phải của chị S rồi cầm trên tay. Sau đó, bị cáo trả tiền khoai và đi đến sạp bán trái cây của anh Trần Văn H thì bị chị Trần Thị L phát hiện. Khi bị phát hiện, bị cáo T ném cái bóp của chị S vào khu vực bán trái cây của anh H và tìm cách bỏ đi. Khi đó, anh H cùng người dân xung quanh giữ bị cáo lại và báo với Công an xã V đến giải quyết. Ngay sau đó, Công an huyện Gò Công Tây cũng đã đến hiện trường tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các tài liệu, đồ vật gồm:

- 01 (một) cái bóp màu nâu dài 11cm x 08cm;

- Tiền mặt trong cái bóp là 4.405.000 đồng (Tiền Việt Nam);

- Tiền mặt trên người bị cáo T là 882.000 đồng (Tiền Việt Nam);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, Model RM-1172, số IMEI 1: 356011087378425, số IMEI 2: 356011087378433 thu giữ trên người bị cáo T.

Theo Kết luận định giá số 104/KL-HĐĐGTTHS ngày 04/7/2019 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện Gò Công Tây thì 01 cái bóp màu nâu dài 11cm x 08cm đã qua sử dụng trị giá 5.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt là 4.410.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSGCT ngày 19/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội: "Trộm

cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian tử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo ăn năn, hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai bị cáo, lời khai của bị hại và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét bị hại chị Nguyễn Thị Thảo S và những người làm chứng là chị Trần Thị L, anh Trần Văn H, anh Nguyễn Thành D có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bị hại và những người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng là phù hợp với Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét thấy tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Do gia đình bị cáo phải nuôi hai cháu nội còn nhỏ lại sắp đến đầu năm học mới phải lo nhiều chi phí, nên khi phát hiện chị S để bóp tiền sơ hở, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị S. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo

là vi phạm pháp luật, là có tội; bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét về ý thức chủ quan và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, lợi dụng sự mất cảnh giác trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 4.410.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo được thực hiện do lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo có đủ nhận thức để hiểu được tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra và được pháp luật bảo vệ, nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu, thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, bị hại chị S có đơn xin nhận lại tài sản nên ngày 09/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây đã trả lại cái bóp và số tiền 4.405.000 đồng cho chị S. Đối với số tiền 882.000 đồng và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ trên người bị cáo T không liên quan đến vụ án nên ngày 01/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây đã trả lại cho bị cáo T, do con của bị cáo T là anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1993, trú tại khu phố D, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nhận thay. Việc trả lại vật chứng và các đồ vật này là phù

hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người đàn ông chạy xe ôm chở bị cáo đi từ thị xã G đến Chợ C, bị cáo T khai không biết rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ của người đàn ông này và người này không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản mà chỉ chở thuê. Sau khi xảy ra vụ việc, người đàn ông này đã bỏ đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được danh tính nên chưa có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án. Nếu xác định được sẽ được xem xét giải quyết sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 69 Luật Thi hành án hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2019). Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí:

Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT – Công an huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Thơm